

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HS-ST

Ngày 18-8-2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trường Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Mạnh.

Bà Nguyễn Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định; Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 28/2022/TLST-HS ngày 16-6-2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 8 năm 2022; đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh năm 2000, tại: Nam Định.

Nơi ĐKNKTT: xóm C, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn T, sinh năm 1960; con bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1967; vợ, con: Chưa có;

Tiền án: Ngày 27-4-2021 bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 13-02-2022 T ra tù trở về địa phương sinh sống;

Tiền sự: Không;

Nhân thân:

+ Ngày 30-9-2015 bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định ra quyết định số 02/2015/QĐ-TA đưa vào trường giáo dưỡng vì nhiều lần có hành vi trộm cắp tài sản.

+ Ngày 23-3-2018 bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Ngày 30-5-2018 bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xử phạt 21 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm từ ngày 28-3-2022 đến nay. “Có mặt”.

* Bị hại:

1- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988; trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định. “Vắng mặt”.

2- Anh Trần Quốc K, sinh năm 1981; trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định. “Vắng mặt”.

Người ủy quyền của anh Trần Quốc K là chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988; trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định. Theo giấy ủy quyền ngày 20-4-2022. “Vắng mặt”.

3- Anh Trần Xuân P, sinh năm 1984; trú tại: Đội 4, xóm 1, T, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định. “Có mặt”.

4- Chị Trần Thị D, sinh năm 1990; trú tại: Đội 4, xóm 1, T, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định. “Vắng mặt”.

Người ủy quyền của chị Trần Thị D là anh Trần Xuân P, sinh năm 1984; trú tại: Đội 4, xóm 1, T, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định. Theo giấy ủy quyền ngày 18-4-2022. “Có mặt”.

* Người làm chứng:

1- Bà Nguyễn Thị L. “Có mặt”.

2- Anh Nguyễn Xuân N. “Vắng mặt”.

3- Chị Trần Thị Lan A. “Vắng mặt”.

4- Bà Bùi Thị T. “Vắng mặt”.

5- Cháu Trần Anh K. “Vắng mặt”.

6- Anh Trần Quốc K. “Vắng mặt”.

7- Bà Trần Thị Thúy L. “Vắng mặt”.

8- Chị Trần Thị T. “Vắng mặt”.

9- Cháu Trần Văn C. “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27-3-2022 nhận được tin báo của anh Trần Xuân P, ở xóm 1, xã K, huyện V trình báo vào ngày 26-3-2022 nhà anh bị kẻ gian đột nhập lấy trộm số tiền gần 85.000.000 đồng và một số trang sức bằng vàng; Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã tiến hành điều tra và khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Văn T thu giữ tang vật gồm: 01 chứng minh thư nhân dân, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 giấy nộp tiền của ngân hàng Agribank, 01 giấy nộp tiền của ngân hàng Vietinbank, 01 giấy rút tiền mặt của ngân hàng BIDV, 01 giấy thanh toán tiền của ngân hàng BIDV các giấy tờ trên đều mang tên Nguyễn Thị T. Ngoài ra còn thu giữ của T: 01 áo phao màu ghi có mũ, trên ngực áo bên trái có in hình con báo màu đen viền đỏ; 01 quần vải thun màu đen, có thắt lưng bằng chun, chạy dọc hai ống quần có in, dán hoa văn màu vàng xanh.

Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện V, Trần Văn T đã khai nhận: Do cần tiền để tiêu sài cá nhân, nên sau khi ra tù từ ngày 13-02-2022, T đã thực hiện tổng cộng hai vụ trộm cắp tài sản cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 23-3-2022, T một mình điều khiển xe đạp mini đi từ nhà lên khu vực xã H, huyện V để tìm xem nhà nào có sơ hở trong việc quản lý tài sản để trộm cắp. Khi đi qua nhà chị Nguyễn Thị T, ở thôn Đ, xã H, T phát hiện trong nhà chỉ có cháu Trần Anh K (là con đẻ của chị T) đang ngồi chơi game. T để xe đạp ở ngoài sân, rồi đi vào trong nhà và nói với cháu K xin chơi game cùng, cháu K đồng ý; chơi được một lúc T hỏi cháu K có đói không, cháu K trả lời “không đói”, T liền rút từ trong túi quần ra 14.000 đồng và bảo cháu K đi mua chai nước ngọt C2 về uống, cháu K đồng ý và cầm tiền đi mua ngay. T quan sát trong phòng khách thấy có kê một tủ nhựa, T đi đến mở cánh cửa tủ trong cùng giáp tường nhà phía tây, thấy cánh cửa tủ bị khóa, T dùng tay phải giật mạnh cánh tủ làm khóa cánh tủ bung ra, thấy bên trong ô tủ có một chiếc ví da màu đen, bên trong có tiền nên T bỏ luôn cả chiếc ví vào túi quần đang mặc. T tiếp tục lục tìm trong ô tủ này thì thấy một túi giấy bóng màu đỏ bên trong có nhiều giấy tờ và một hộp nhựa màu đỏ, trong hộp nhựa có 02 chiếc nhẫn tròn bằng vàng, một đôi bông tai bằng vàng, T nhanh chóng gói túi bóng này lại rồi bỏ vào túi quần và đi ra chỗ cũ ngồi chơi game như chưa có việc gì xảy ra. Một lúc sau, thấy cháu K mua chai nước về đến nhà nhưng đi cùng với ba người phụ nữ lớn tuổi ở cùng xóm, một trong ba người này có hỏi T là ai, từ đâu đến, đến với mục đích gì. Do lo sợ hành vi trộm cắp của mình bị bại lộ nên T vội vàng nói “cháu vào nhầm nhà” rồi nhanh chóng đi ra ngoài lấy xe đạp, đi ra khỏi nhà chị T. Khi về tới nhà, T lấy số tài sản vừa trộm cắp ra kiểm đếm thì thấy trong ví da có 12 tờ tiền mỗi tờ mệnh giá 500.000 đồng, 03 tờ tiền mỗi tờ mệnh giá 200.000 đồng, 02 tờ mỗi tờ mệnh giá 100.000 đồng, tổng cộng là 6.800.000 đồng; trong túi bóng có các giấy tờ liên quan đến hóa đơn giao dịch ngân hàng, chứng minh thư, thẻ bảo hiểm đều mang tên Nguyễn Thị T, T thấy các giấy tờ này không có giá trị nên gói lại để ở đầu giường của mình, còn số vàng trong hộp nhựa T mang cất đi. Đến sáng ngày 24-3-2022, T mang số tài sản trộm cắp được gồm 02 nhẫn tròn bằng vàng, một đôi bông tai bằng vàng đến tiệm vàng Chí Thành do anh Nguyễn Xuân N, địa chỉ xóm P, xã T làm chủ bán được tổng số tiền là 3.445.000 đồng. Sau đó T đã tiêu sài cá nhân hết số tiền này.

Vụ thứ hai: Khoảng 09 giờ ngày 26-3-2022, T đi bộ từ nhà, sau đó xin đi nhờ xe của người đi đường đến khu vực xã K thì xuống xe, T tiếp tục đi bộ hướng về phía P xã K để tìm nhà dân có sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi T đi qua nhà anh Trần Xuân P, ở xóm 1, xã K thấy cửa mở, không có ai ở nhà, T đi đến quán bán tạp hóa gần đó để mua một lon nước nhằm quan sát kỹ hơn nhà anh P. Khi xác định vẫn không có ai, T liền đi vào nhà anh P và gọi nhỏ “Cô ơi, cô ơi”, thấy không có người trả lời, T liền quan sát toàn bộ tầng 1 nhà anh P thấy không có tài

sản gì để lấy, T tiếp tục đi lên tầng 2, thấy phòng bên phải của cầu thang đang mở cửa, T đến trước cửa phòng tiếp tục gọi “Cô ơi”, thấy không có ai trả lời, T nhanh chóng đi vào trong phòng để tìm kiếm tài sản. T thấy trong phòng có kê một tủ gỗ sát tường, T đi tới dùng tay mở cánh cửa tủ ra thì nhìn thấy một chùm chìa khóa, T lấy chùm chìa khóa mở khóa ngăn kéo tủ thì thấy trong ngăn kéo đó có 03 cọc tiền, các cọc tiền đều được buộc bằng dây chun, T liền lấy cả ba cọc tiền bỏ vào hai túi quần đang mặc rồi tiếp tục lục tìm trong ngăn kéo thì thấy 01 túi vải màu đỏ, T cầm lên sờ, nắn bên ngoài thì thấy giống các trang sức như vòng, dây chuyền, nhẫn nên T bỏ luôn vào túi quần đang mặc rồi nhanh chóng tẩu thoát. T đi bộ về hướng phủ C, xã K thì thấy có một chiếc xe taxi hãng Mai Linh đang đỗ ven đường nên T đã thuê xe này chở mình về nhà. Về đến nhà, T mang số tài sản vừa trộm cắp ra kiểm đếm thì thấy có một cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng, một cọc tiền gồm các tờ mệnh giá 500.000 đồng, 200.000 đồng và 100.000 đồng, cọc tiền còn lại gồm các tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, 20.000 đồng, 10.000 đồng và 5.000 đồng, tổng số tiền trong ba cọc này là 84.700.000 đồng. Số trang sức trong túi vải gồm 01 sợi dây chuyền bằng vàng, 01 đôi hoa tai bằng vàng có gắn hai viên ngọc màu trắng mỗi bên, 01 nhẫn tròn bằng vàng bên trên có đính đá màu trắng, 01 vòng đeo tay bằng vàng. Đến sáng ngày 27-3-2022, T mang toàn bộ số trang sức trên đến tiệm vàng Chí Thành do anh Nguyễn Xuân N, địa chỉ xóm P, xã T làm chủ bán được tổng số tiền là 28.800.000 đồng. Sau đó T đã tiêu sài cá nhân, đến khi bị bắt thu giữ trên người còn số tiền 22.500.000 đồng.

Ngày 05-4-2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V có bản Kết luận số 08/KL-HĐ xác định: 01 sợi dây chuyền bằng vàng loại 9999, trọng lượng 04 chỉ; 01 đôi bông tai bằng vàng tây 10k, trọng lượng 0,52 chỉ; 01 nhẫn cưới bằng vàng tây 10k, trọng lượng 0,36 chỉ; 01 vòng tay bằng vàng tây 10k, trọng lượng 2,67 chỉ có tổng giá trị là 31.465.000 đồng.

Ngày 05-4-2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V có bản Kết luận số 09/KL-HĐ xác định: 01 nhẫn bằng vàng loại 9999, trọng lượng 0,5 chỉ; 01 đôi bông tai bằng vàng tây, trọng lượng 0,5 chỉ; 01 nhẫn bằng vàng tây, trọng lượng 0,5 chỉ có tổng giá trị là 5.435.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 30/CT-VKSVB ngày 15-6-2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã truy tố Trần Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Trần Văn T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã nói chuyện nhờ mẹ đến nhà bị hại để thỏa thuận bồi thường. Đối với 01 áo phao màu ghi có mũ, 01 quần vải thun màu đen là trang phục của bị cáo mặc khi đi trộm cắp tài sản; nay bị cáo xác định quần và áo đã cũ không còn giá trị sử dụng nên không có nguyện vọng lấy lại.

Bị hại anh P: Xác nhận mẹ bị cáo đã đến nhà và bồi thường cho gia đình anh 50.000.000đ. Nay anh P yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho gia đình anh tổng 41.000.000đ (Gồm: 28.800.000đ tiền anh đã chuộc lại vàng và 12.200.000đ số tiền còn thiếu); đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 42 đến 48 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Trần Văn T phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Trần Xuân P và chị Trần Thị D tổng số tiền 41.000.000đ.

Buộc bị cáo Trần Văn T phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Thị T và anh Trần Quốc K tổng số tiền 12.235.000đ.

- Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- +) Tịch thu tiêu hủy: 01 áo phao màu ghi có mũ, trên ngực áo bên trái có in hình con báo màu đen viền đỏ. 01 quần vải thun màu đen, có thắt lưng bằng chun, chạy dọc hai ống quần có in, dán hoa văn màu vàng xanh.

- +) Trả lại chị Nguyễn Thị T:

01 chứng minh thư nhân dân số 162705772 mang tên Nguyễn Thị T, cấp ngày 27-01-2003.

01 thẻ bảo hiểm y tế mã số DN4303622545425, mang tên Nguyễn Thị T, cấp ngày 26-6-2021.

01 giấy nộp tiền mang tên Nguyễn Thị T của ngân hàng Agribank.

01 giấy nộp tiền mang tên Nguyễn Thị T của ngân hàng Vietinbank.

01 giấy rút tiền mặt mang tên Nguyễn Thị T của ngân hàng BIDV.

01 giấy thanh toán tiền mang tên Nguyễn Thị T của ngân hàng BIDV.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về chứng cứ và tội danh: Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Nên có đủ căn cứ kết luận:

Ngày 23-3-2022, Trần Văn T vào nhà chị Nguyễn Thị T ở thôn Đ, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định lén lút chiếm đoạt các tài sản có tổng giá trị là 12.235.000 đồng (Mười hai triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng); gồm: tiền 6.800.000 đồng và các trang sức bằng vàng (01 nhẫn bằng vàng loại 9999, trọng lượng 0,5 chỉ; 01 đôi bông tai bằng vàng tây, trọng lượng 0,5 chỉ; 01 nhẫn bằng vàng tây, trọng lượng 0,5 chỉ có tổng giá trị là 5.435.000 đồng).

Ngày 26-3-2022, Trần Văn T đã lén lút vào nhà anh Trần Xuân P ở xóm 1, xã K, huyện V, tỉnh Nam Định để chiếm đoạt các tài sản có tổng giá trị là 116.165.000 đồng (Một trăm mười sáu triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) gồm: tiền 84.700.000 đồng và các trang sức bằng vàng (01 sợi dây chuyền bằng vàng loại 9999, trọng lượng 04 chỉ; 01 đôi bông tai bằng vàng tây 10k, trọng lượng 0,52 chỉ; 01 nhẫn cưới bằng vàng tây 10k, trọng lượng 0,36 chỉ; 01 vòng tay bằng vàng tây 10k, trọng lượng 2,67 chỉ có tổng giá trị là 31.465.000 đồng).

Căn cứ hành vi, hậu quả do bị cáo gây ra đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy cần xử lý nghiêm trước pháp luật và có mức hình phạt tương xứng để giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4]. Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, thường xuyên vi phạm pháp luật.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trần Văn T phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội hai lần trở lên” và “Tái phạm” quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, T đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; bản thân bị cáo đã tác động để mẹ bồi thường một phần trách nhiệm dân sự; nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Về đường lối xử lý: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội. Do bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

Ngày 07-4-2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trả lại cho anh Trần Xuân P số tiền 22.500.000 đồng và trả toàn bộ số vàng cho anh P. Tại phiên tòa anh P xác nhận mẹ bị cáo đã đến nhà và bồi thường cho gia đình anh 50.000.000đ; việc thỏa thuận này được ghi nhận. Nay anh P yêu cầu bị cáo T tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 12.200.000 đồng và số tiền 28.800.000 đồng mà anh bỏ ra để chuộc số vàng của mình đã bị trộm cắp về.

Chị Nguyễn Thị T yêu cầu bị cáo T phải bồi thường toàn bộ số tiền và trang sức là vàng mà T đã trộm cắp của gia đình chị.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự. Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo T phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Trần Xuân P và chị Trần Thị D tổng số tiền 41.000.000đ (Trong đó bao gồm: Số tiền còn thiếu 12.200.000 đồng và 28.800.000 đồng là số tiền anh P đã bỏ ra để chuộc lại số vàng của mình). Bồi thường cho chị Nguyễn Thị T và anh Trần Quốc K tổng số tiền 12.235.000đ (Trong đó bao gồm: Tiền là 6.800.000 đồng; trang sức có tổng giá trị là 5.435.000 đồng, gồm: 01 nhẫn bằng vàng loại 9999, trọng lượng 0,5 chỉ; 01 đôi bông tai bằng vàng tây, trọng lượng 0,5 chỉ; 01 nhẫn bằng vàng tây, trọng lượng 0,5 chỉ).

[7]. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 áo phao màu ghi có mũ, trên ngực áo bên trái có in hình con báo màu đen viền đỏ; 01 quần vải thun màu đen, có thắt lưng bằng chun, chạy dọc hai ống quần có in, dán hoa văn màu vàng xanh là trang phục của bị cáo mặc khi đi trộm cắp tài sản. Nhưng tại phiên tòa bị cáo xác định quần và áo đã cũ không còn giá trị sử dụng, nên không có nguyện vọng lấy lại.

Trả lại chị Nguyễn Thị T: 01 chứng minh thư nhân dân; 01 thẻ bảo hiểm y tế; 01 giấy nộp tiền của ngân hàng Agribank; 01 giấy nộp tiền của ngân hàng Vietinbank; 01 giấy rút tiền; 01 giấy thanh toán tiền.

Số tài sản là vật chứng khác của vụ án, ngày 07-4-2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã trả lại gồm: 01 sợi dây chuyền bằng vàng loại 9999, trọng lượng 04 chỉ; 01 đôi bông tai bằng vàng tây 10k, trọng lượng 0,52 chỉ; 01 nhẫn cưới bằng vàng tây 10k, trọng lượng 0,36 chỉ; 01 vòng tay bằng vàng tây 10k, trọng lượng 2,67; số tiền 22.500.000 đồng; 01 xe đạp mini màu xanh tím than, có gắn giỏ màu đen, xe cũ đã qua sử dụng cho các chủ sở hữu là đúng.

[8]. Về tư cách tham gia tố tụng: Anh Nguyễn Xuân N là chủ tiệm vàng Chí Thành có địa chỉ xóm P, xã T; anh N không biết số trang sức là vàng mà T bán cho mình là tài sản do trộm cắp mà có, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện V không xem xét xử lý đối với anh N là có căn cứ. Xác định anh N là người làm chứng trong vụ án.

[9]. Về án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh và hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 42 (Bốn hai) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 28-3-2022.

2. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự.

2.1. Buộc bị cáo Trần Văn T phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Trần Xuân P và chị Trần Thị D tổng số tiền 41.000.000đ (Bốn một triệu đồng).

(Trong đó bao gồm: Số tiền còn thiếu 12.200.000 đồng và 28.800.000 đồng là số tiền anh P đã bỏ ra để chuộc lại số vàng của mình).

2.2. Buộc bị cáo Trần Văn T phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Thị T và anh Trần Quốc K tổng số tiền 12.235.000đ (Mười hai triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

(Trong đó bao gồm: Tiền là 6.800.000 đồng; trang sức có tổng giá trị là 5.435.000 đồng, gồm: 01 nhẫn bằng vàng loại 9999, trọng lượng 0,5 chỉ; 01 đôi bông tai bằng vàng tây, trọng lượng 0,5 chỉ; 01 nhẫn bằng vàng tây, trọng lượng 0,5 chỉ).

2.3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

3.1. Tịch thu tiêu hủy: 01 áo phao màu ghi có mũ, trên ngực áo bên trái có in hình con báo màu đen viền đỏ. 01 quần vải thun màu đen, có thắt lưng bằng chun, chạy dọc hai ống quần có in, dán hoa văn màu vàng xanh.

3.2. Trả lại chị Nguyễn Thị T:

01 chứng minh thư nhân dân số 162705772 mang tên Nguyễn Thị T, cấp ngày 27-01-2003.

01 thẻ bảo hiểm y tế mã số DN4303622545425, mang tên Nguyễn Thị T, cấp ngày 26-6-2021.

01 giấy nộp tiền mang tên Nguyễn Thị T của ngân hàng Agribank.

01 giấy nộp tiền mang tên Nguyễn Thị T của ngân hàng Vietinbank.

01 giấy rút tiền mặt mang tên Nguyễn Thị T của ngân hàng BIDV.

01 giấy thanh toán tiền mang tên Nguyễn Thị T của ngân hàng BIDV.

(Vật chứng đang được quản lý tại Kho Chi cục Thi hành án dân sự huyện V; theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 11-7-2022).

4. Án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng).

Án phí dân sự: Bị cáo Trần Văn T phải nộp 2.661.700đ (Hai triệu sáu trăm sáu mươi nghìn bảy trăm đồng).

5. Quyền kháng cáo:

Bị cáo và anh Trần Xuân P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại chị Nguyễn Thị T, anh Trần Quốc K và chị Trần Thị D vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh + huyện;
- Sở Tư pháp tỉnh ND.
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Phòng PV 06 CA tỉnh ND;
- UBND xã T - V;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trường Nam

TCTS NHÀ CHỊ THANH Ở HIỆN KHÁNH NGAY 23/3/2022.

T lấy số tài sản vừa trộm cắp ra kiểm đếm thì thấy trong ví da có 12 tờ tiền mỗi tờ mệnh giá 500.000 đồng, 03 tờ tiền mỗi tờ mệnh giá 200.000 đồng, 02 tờ mỗi tờ mệnh giá 100.000 đồng, **tổng cộng là 6.800.000** đồng (Sáu triệu tám trăm nghìn đồng); trong túi bóng có các giấy tờ liên quan đến hóa đơn giao dịch ngân hàng, chứng minh thư, thẻ bảo hiểm đều mang tên Nguyễn Thị Thanh, T thấy các giấy tờ này không có giá trị nên gói lại để ở đầu giường của mình, còn số vàng trong hộp nhựa T mang cất đi. Đến sáng ngày 24/3/2022, T mang số tài sản trộm cắp

được gồm 02 nhẫn tròn bằng vàng, một đôi bông tai bằng vàng đến tiệm vàng Chí Thành do anh Nguyễn Xuân Niên – SN 1980, địa chỉ xóm Phố Xuân – xã Trung Thành – huyện V – tỉnh Nam Định làm chủ để bán được tổng số tiền là 3.445.000 đồng.

Ngày 05-4-2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V có bản Kết luận số 09/KL-HĐ xác định: 01 nhẫn bằng vàng loại 9999, trọng lượng 0,5 chỉ; 01 đôi bông tai bằng vàng tây, trọng lượng 0,5 chỉ; 01 nhẫn bằng vàng tây, trọng lượng 0,5 chỉ có tổng giá trị là 5.435.000 đồng (BL 97-98).

TCTS NHÀ ANH PHONG Ở KIM THÁI NGAY 26/3/2022.

T mang số tài sản vừa trộm cắp ra kiểm đếm thì thấy có một cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng, một cọc tiền gồm các tờ mệnh giá 500.000 đồng, 200.000 đồng và 100.000 đồng, cọc tiền còn lại gồm các tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, 20.000 đồng, 10.000 đồng và 5.000 đồng, tổng số tiền trong ba cọc này là 84.700.000 đồng. Số trang sức trong túi vải gồm 01 sợi dây chuyền bằng vàng, 01 đôi hoa tai bằng vàng có gắn hai viên ngọc màu trắng mỗi bên, 01 nhẫn tròn bằng vàng bên trên có đính đá màu trắng, 01 vòng đeo tay bằng vàng. Đến sáng ngày 27/3/2022, T mang toàn bộ số trang sức trên đến tiệm vàng Chí Thành do anh Nguyễn Xuân Niên – SN 1980, địa chỉ xóm Phố Xuân – xã Trung Thành – huyện V – tỉnh Nam Định làm chủ để bán được tổng số tiền là 28.800.000 đồng. Sau đó T đã tiêu sài cá nhân, đến khi bị bắt thu giữ trên người còn số tiền 22.500.000 đồng (BL 197 đến 240).

Ngày 05-4-2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V có bản Kết luận số 08/KL-HĐ xác định: 01 sợi dây chuyền bằng vàng loại 9999, trọng lượng 04 chỉ; 01 đôi bông tai bằng vàng tây 10k, trọng lượng 0,52 chỉ; 01 nhẫn cưới bằng vàng tây 10k, trọng lượng 0,36 chỉ; 01 vòng tay bằng vàng tây 10k, trọng lượng 2,67 chỉ có tổng giá trị là 31.465.000 đồng (BL 94-95).